

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01– DNPNT)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (Mẫu số B 02 – DNPNT)	8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DNPNT)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DNPNT)	11
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DNPNT)	12

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 35/GPĐC13/KDBH được cấp vào ngày 2 tháng 2 năm 2017.

Giấy phép thành lập và hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp với thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày của Giấy phép đầu tiên số 35GP/KDBH cấp ngày 14 tháng 12 năm 2005.

Hội đồng Thành viên

Ông Antony Fook Weng Lee
Ông Michael John Morris
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thanh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thanh

Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

Lầu 5, Tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 54. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.



Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024 và được Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, từ trang 5 đến trang 54.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

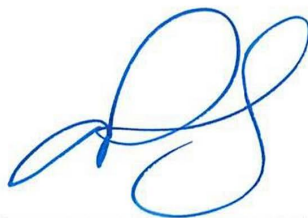
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm phi nhân thọ đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3047-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Trần Vĩ Cường
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4601-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM16793
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		880.187.670.737	769.316.387.996
110	Tiền	3	115.656.703.936	56.766.141.789
111	Tiền		115.656.703.936	56.766.141.789
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		493.500.000.000	471.000.000.000
121	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	493.500.000.000	471.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		81.024.893.643	69.660.155.841
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		44.117.136.430	37.397.531.158
131.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	5	44.117.136.430	37.397.531.158
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		68.684.100	97.512.800
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn		9.224.000	176.189.000
136	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	37.641.176.391	32.218.127.162
139	Dự phòng ngắn hạn phải thu khó đòi	7	(811.327.278)	(229.204.279)
150	Tài sản ngắn hạn khác		9.337.662.487	11.578.096.821
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	9.337.662.487	8.365.353.314
151.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		9.213.278.526	8.216.802.436
151.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác		124.383.961	148.550.878
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(a)	-	3.212.743.507
190	Tài sản tái bảo hiểm		180.668.410.671	160.311.993.545
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a)	106.361.406.981	92.279.011.768
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16(a)	74.307.003.690	68.032.981.777

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

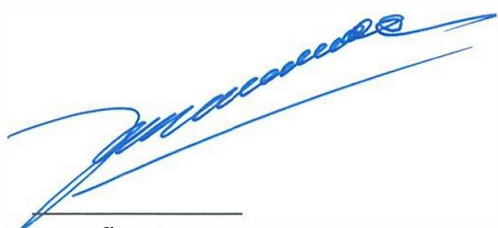
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		310.714.151.230	322.144.690.481
210	Các khoản phải thu dài hạn		16.231.653.450	21.710.358.992
215	Phải thu về cho vay dài hạn		-	5.102.000
218	Phải thu dài hạn khác	6(b)	16.231.653.450	21.705.256.992
218.1	Ký quỹ bảo hiểm		6.000.000.000	6.000.000.000
218.2	Phải thu dài hạn khác		10.231.653.450	15.705.256.992
220	Tài sản cố định		757.362.217	1.495.360.717
221	Tài sản cố định hữu hình	9	757.362.217	1.495.360.717
222	Nguyên giá		8.338.088.959	13.347.820.748
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.580.726.742)	(11.852.460.031)
227	Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		2.209.600.522	2.376.474.202
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.209.600.522)	(2.376.474.202)
250	Đầu tư tài chính dài hạn		290.500.000.000	295.500.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	290.500.000.000	295.500.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		3.225.135.563	3.438.970.772
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	1.442.053.358	1.897.751.655
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17	1.783.082.205	1.541.219.117
270	TỔNG TÀI SẢN		1.190.901.821.967	1.091.461.078.477

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		437.933.102.494	398.825.795.678
310	Nợ ngắn hạn		430.336.994.717	391.780.628.737
312	Phải trả người bán ngắn hạn		105.715.233.003	105.495.576.542
312.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	10	88.128.286.443	81.836.524.239
312.2	Phải trả ngắn hạn khác cho người bán	11	17.586.946.560	23.659.052.303
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	8.939.243.687	5.343.911.602
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	10.124.316.456	10.825.506.867
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.563.402.994	2.311.424.126
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	2.930.434.780	2.608.895.695
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	15	34.844.206.390	28.733.778.873
329	Dự phòng nghiệp vụ		266.220.157.407	236.461.535.032
329.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16(a)	136.402.758.566	114.295.487.312
329.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16(a)	91.949.169.441	85.378.118.527
329.3	Dự phòng dao động lớn	16(b)	37.868.229.400	36.787.929.193
330	Nợ dài hạn		7.596.107.777	7.045.166.941
336	Dự phòng trợ cấp thất nghiệp		5.530.683.017	5.341.697.749
337	Dự phòng phải trả dài hạn		2.065.424.760	1.703.469.192
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		752.968.719.473	692.635.282.799
410	Vốn chủ sở hữu		752.968.719.473	692.635.282.799
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	1.126.099.400.000	1.126.099.400.000
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	19	17.229.448.242	14.212.776.408
421	Lỗi sau thuế lũy kế	19	(390.360.128.769)	(447.676.893.609)
421a	- Lỗi sau thuế lũy kế của các năm trước		(447.676.893.609)	(494.396.585.202)
421b	- Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối của năm nay		57.316.764.840	46.719.691.593
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.190.901.821.967	1.091.461.078.477

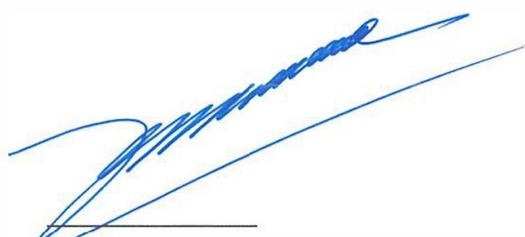

Nguyễn Thủy Vi
Người lập/Kế toán trưởngNguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	197.503.778.555	189.010.110.174
12	Doanh thu hoạt động tài chính	45.165.579.320	48.476.846.325
13	Thu nhập khác	56.271.770	2.876.831.658
20	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(101.849.602.889)	(100.184.348.346)
22	Chi phí hoạt động tài chính	(2.000.935.943)	(547.775.759)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(62.749.460.525)	(77.798.187.828)
24	Chi phí khác	-	(47.982.078)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.125.630.288	61.785.494.146
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(16.034.056.702)	(12.289.984.292)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	241.863.088	(316.887.125)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60.333.436.674	49.178.622.729


 Nguyễn Thúy Vi
 Người lập/Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
 Tổng Giám đốc
 Người đại diện theo pháp luật
 Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(tiếp theo)**PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
01	Doanh thu phí bảo hiểm	398.775.521.166	389.939.862.788
01.1	Phí bảo hiểm gốc	397.130.810.639	360.543.919.739
01.2	Phí nhận tái bảo hiểm	23.751.981.781	27.040.943.493
01.3	(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16(a) (22.107.271.254)	2.354.999.556
02	Phí nhượng tái bảo hiểm	(298.770.376.530)	(290.182.830.516)
02.1	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	22 (312.852.771.743)	(283.494.532.256)
02.2	Tăng/(giảm) trong dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16(a) 14.082.395.213	(6.688.298.260)
03	Doanh thu phí bảo hiểm thuần	100.005.144.636	99.757.032.272
04	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	97.498.633.919	89.253.077.902
04.1	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	23 95.633.210.751	87.769.545.283
04.2	Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.865.423.168	1.483.532.619
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	197.503.778.555	189.010.110.174
11	Chi phí bồi thường	(57.650.238.954)	(50.407.987.696)
11.1	Tổng chi bồi thường	(60.389.499.815)	(55.406.302.002)
11.2	Các khoản giảm trừ	2.739.260.861	4.998.314.306
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	33.588.289.994	23.938.213.242
13	(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16(a) (6.571.050.914)	(4.536.608.753)
14	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16(a) 6.274.021.913	4.449.763.334
15	Tổng chi bồi thường bảo hiểm	(24.358.977.961)	(26.556.619.873)
16	Tăng dự phòng dao động lớn	16(b) (1.080.300.207)	(984.716.114)

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(tiếp theo)**PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(76.410.324.721)	(72.643.012.359)
17.1	Chi hoa hồng bảo hiểm	(33.734.097.544)	(32.781.807.580)
17.2	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(42.676.227.177)	(39.861.204.779)
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(101.849.602.889)	(100.184.348.346)
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	95.654.175.666	88.825.761.828
23	Doanh thu hoạt động tài chính	45.165.579.320	48.476.846.325
24	Chi phí tài chính	(2.000.935.943)	(547.775.759)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(62.749.460.525)	(77.798.187.828)
30	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh	76.069.358.518	58.956.644.566
31	Thu nhập khác	56.271.770	2.876.831.658
32	Chi phí khác	-	(47.982.078)
40	Lợi nhuận khác	56.271.770	2.828.849.580
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.125.630.288	61.785.494.146
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành	(16.034.056.702)	(12.289.984.292)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	241.863.088	(316.887.125)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60.333.436.674	49.178.622.729

Nguyễn Thúy Vi
Người lập/Kế toán trưởng

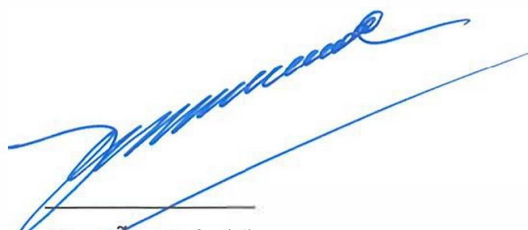


Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	76.125.630.288	61.785.494.146
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	9	1.057.209.409
03	Tăng các khoản dự phòng	1.133.063.835	858.387.052
03.1	Dự phòng nghiệp vụ	9.402.205.249	5.404.860.237
03.2	Doanh thu/chi phí hoa hồng chưa thực hiện/ chưa phân bổ	5.113.951.427	(2.628.117.850)
04	Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	633.041.077	(346.125.184)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	26	(44.955.362.784)
07	Các khoản điều chỉnh khác	-	47.982.078
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	48.509.738.501	18.332.725.597
09	Tăng các khoản phải thu	(3.567.461.057)	(6.784.578.929)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(5.516.265.267)	31.988.635.145
12	Giảm chi phí trả trước	479.865.214	221.796.012
15	Thuế TNDN đã nộp	12	(8.410.280.220)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	31.495.597.171	27.756.640.075
LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(230.562.909)	(584.953.000)
23	Tiền chi cho các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	(488.333.035.000)	(658.963.417.000)
24	Tiền thu từ đáo hạn các khoản đầu tư	471.000.000.000	574.800.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi	45.229.567.958	27.185.476.020
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	27.665.970.049	(57.562.893.980)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	59.161.567.220	(29.806.253.905)
60	Tiền đầu năm	3	56.766.141.789
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(271.005.073)	(6.294.781)
70	Tiền cuối năm	3	115.656.703.936
			56.766.141.789


Nguyễn Thúy Vi
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2025